

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT  
KHOA LUẬT KINH TẾ**

-----

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:**

**LUẬT KINH DOANH  
KHÓA 21**

**TP.HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2021*

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số .... ngày ...tháng....năm...  
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế - Luật)

- Tên chương trình: **LUẬT KINH DOANH**
- Tên tiếng Anh: Business Law
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Luật Kinh tế
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Mã ngành đào tạo: 7380107
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân ngành Luật Kinh tế
- Thời gian đào tạo: 4 (bốn) năm
- Chủ nhiệm chương trình: TS. Châu Thị Khánh Vân

### 1. Mục tiêu đào tạo:

- (1) Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo theo chuyên ngành Luật Kinh doanh, trên cơ sở các môn học có tính chất định hướng kiến thức chung, sinh viên sẽ nắm bắt được các kiến thức về kinh tế – xã hội và cả kiến thức về pháp luật nói chung.
- (2) Sinh viên sẽ nắm bắt và biết áp dụng pháp luật kinh tế.
- (3) Nắm bắt được các quy định của các đạo luật cụ thể điều chỉnh trực tiếp các hoạt động kinh doanh như Luật doanh nghiệp; Luật thương mại; Luật đầu tư; Luật phá sản... Các đạo luật khác có quan hệ điều chỉnh gián tiếp các hoạt động kinh doanh như Luật dân sự; Luật sở hữu trí tuệ; Luật đất đai; Luật môi trường; Luật thuế; Luật lao động... Các Nghị quyết của Quốc hội; các Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các văn bản dưới luật về kinh tế.
- (4) Nắm bắt được những kỹ năng cơ bản trong tư vấn, thực hành luật đặc biệt đối với những tình huống liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh doanh.

## **2. Chuẩn đầu ra:**

### **A. Kiến thức**

- A.1 Hiểu biết về các lĩnh vực văn hóa, lịch sử và xã hội.
- A.2 Nắm vững kiến thức cơ bản về các lĩnh vực Kinh tế và pháp luật.
- A.3 Nắm vững các kiến thức về pháp luật kinh tế.
- A.4 Nắm vững kiến thức pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh chuyên sâu.
- A.5 Có năng lực vận dụng lý thuyết vào hoạt động thực tiễn kinh doanh, thương mại.

### **B. Kỹ năng**

- B.1 Kỹ năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo cũng như kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm.
- B.2 Kỹ năng lập luận, thuyết trình, viết báo cáo.
- B.3 Có năng lực phán đoán, xử lý tình huống, nhìn vấn đề đa chiều.
- B.4 Có khả năng tư vấn pháp luật, tham gia các phiên tòa, giải quyết các vụ án kinh tế một cách hiệu quả.

### **C. Trình độ ngoại ngữ, tin học**

- C.1 Có trình độ tiếng Anh tương đương IELTS 5.0
- C.2 Biết khai thác hiệu quả thông tin qua internet, sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành.

### **D. Thái độ**

- D.1 Có phẩm chất, đạo đức tốt.
- D.2 Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật.
- D.3 Giàu lòng yêu nước.
- D.4 Có ý thức vượt khó, tinh thần và trách nhiệm cao trong học tập và công tác.

### **E. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- E.1 Có khả năng tự học.
- E.2 Tiếp tục học tập nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (trong và ngoài nước) về các chuyên ngành thuộc lĩnh vực pháp luật, kinh tế;
- E.3 Có đủ khả năng tự nghiên cứu các vấn đề của pháp luật trong hoạt động kinh doanh.



### 3. Ma trận chuẩn đầu ra-môn học:

#### 3.1 Ma trận chuẩn đầu ra – môn học bắt buộc

(MH: Môn học; CĐR: Chuẩn đầu ra)

|                                        | A1 | A2 | A3 | A4 | A5 | B1 | B2 | B3 | B4 | C1 | C2 | D1 | D2 | D3 | D4 | E1 | E2 | E |
|----------------------------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|---|
| Triết học Mac - Lenin                  | X  |    |    |    |    |    | X  |    |    |    |    | X  | X  | X  | X  |    |    |   |
| Kinh tế chính trị Mac - Lenin          | X  |    |    |    |    |    | X  |    |    |    |    | X  | X  | X  | X  |    |    |   |
| Chủ nghĩa xã hội khoa học              | X  |    |    |    |    |    | X  |    |    |    |    | X  | X  | X  | X  |    |    |   |
| Tư tưởng HCM                           | X  |    |    |    |    |    | X  |    |    |    |    | X  | X  | X  | X  |    |    |   |
| Kinh tế vi mô 1                        |    | X  |    |    |    |    | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    | X  | X  | X |
| Kinh tế vĩ mô 1                        |    | X  |    |    |    |    | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    | X  | X  | X |
| Quản trị học căn bản                   |    | X  |    |    |    |    | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    | X  | X  | X |
| Lý luận về NN và PL                    |    | X  | X  |    |    | X  |    |    | X  |    |    |    |    |    |    | X  | X  | X |
| Luật hiến pháp VN                      |    | X  | X  |    |    | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Luật Hành chính                        |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |   |
| Những vấn đề chung về LDS              |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  |    | X  |    | X  | X  |    |   |
| Luật Tài sản                           | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  |    |   |
| Luật doanh nghiệp                      | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X |
| Luật hợp đồng – Lý thuyết về hợp đồng  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X |
| Lịch sử nhà nước và pháp luật VN       | X  |    |    |    |    | X  |    |    | X  |    |    | X  | X  | X  |    |    |    |   |
| Tổ tụng dân sự                         | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X |
| Luật hình sự                           | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X |
| Nghĩa vụ ngoài hợp đồng                | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X |
| Luật thương mại                        | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X |
| Luật đất đai                           | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Luật thuế                              | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Luật cạnh tranh                        | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X |
| Luật sở hữu trí tuệ                    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X |
| Tổ tụng hình sự                        | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Luật quốc tế                           | X  |    |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Tư pháp quốc tế                        | X  |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Luật ngân hàng                         | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Luật môi trường                        | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Luật lao động                          | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Phá sản và giải quyết tranh chấp       | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Các hợp đồng dân sự thông dụng         | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Pháp luật về quản trị công ty          | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |
| Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng | X  |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X |



|                                                                                                            |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Luật thương mại quốc tế                                                                                    | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Luật kinh doanh quốc tế                                                                                    | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Kiến tập                                                                                                   |   |   |   | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Thực tập tốt nghiệp                                                                                        |   |   |   | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Khoá luận TN, HP chuyên đề (Pháp luật kinh doanh bất động sản, Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng) | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |

### Ma trận đầu ra – Môn học tự chọn

|                                                     | A1 | A2 | A3 | A4 | A5 | B1 | B2 | B3 | B4 | C1 | C2 | D1 | D2 | D3 | D4 | E1 | E2 | F3 |
|-----------------------------------------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Tâm lý học                                          | X  |    |    |    | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | X  | X  | X  |
| Logic học                                           | X  |    |    |    | X  |    | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| Xã hội học                                          | X  |    |    |    | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | X  | X  |    |
| Nhập môn giao tiếp                                  | X  |    |    |    | X  | X  | X  |    | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| Lịch sử văn minh thế giới                           | X  |    |    |    | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| Địa chính trị thế giới                              | X  |    |    |    | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| Quan hệ quốc tế                                     | X  |    |    |    | X  |    |    |    |    | X  | X  |    | X  |    | X  | X  | X  |    |
| Văn hóa học                                         | X  |    |    |    | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | X  | X  | X  |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học                     |    |    |    |    | X  |    | X  | X  | X  |    | X  |    |    |    |    | X  | X  |    |
| Kỹ năng làm việc nhóm                               |    |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    |    |    |    |    |    | X  | X  | X  |
| Cơ sở văn hóa Việt Nam                              | X  |    |    |    | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | X  | X  | X  |
| Nhân học đại cương                                  | X  |    |    |    | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | X  | X  | X  |
| Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo                   |    |    |    |    | X  | X  |    | X  |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    |
| Kinh tế số                                          |    | X  |    |    | X  | X  | X  | X  |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    |
| Nghệ vụ hành chính văn phòng                        |    |    |    |    | X  | X  | X  | X  |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    |    |
| Logistics                                           |    |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    |    | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  |
| Thủ tục thành lập doanh nghiệp và đầu tư            | X  |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |
| Kỹ thuật soạn thảo văn bản                          | X  |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |
| Nguyên lý kế toán                                   | X  |    |    |    | X  |    | X  |    |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |
| Pháp luật về tài chính                              | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |
| Pháp luật kinh doanh bảo hiểm                       | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |
| Pháp luật sáp nhập và mua bán công ty               | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |
| Pháp luật về xúc tiến thương mại                    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |
| Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp lao động | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |
| Quản trị tài chính                                  | X  |    |    |    | X  |    |    |    |    |    | X  | X  | X  |    | X  | X  | X  | X  |
| Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý                     |    |    |    |    | X  | X  | X  | X  | X  | X  | X  |    |    |    | X  | X  | X  | X  |

**4. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tín chỉ):** 130 tín chỉ (chưa bao gồm phần kiến thức ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất).

**5. Đối tượng tuyển sinh:**

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

**6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học hiện hành của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Kinh tế - Luật.

**6.1 Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: học kỳ 1, học kỳ 2;
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: học kỳ 3, học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7;
- Thực tập, khóa luận tốt nghiệp: học kỳ 8.

**6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ của ngành đào tạo (gồm cả khóa luận), không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có điểm trung bình tích lũy không dưới 5;
- Có các tín chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của trường (Quyết định 1525/QĐ-ĐHKTL ban hành ngày 12/12/2018);
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.



## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 36 tín chỉ

#### A. Các môn bắt buộc (26 tín chỉ)

| STT | MÃ SỐ   | MÔN HỌC                        | SỐ TC | GHI CHÚ |
|-----|---------|--------------------------------|-------|---------|
| 1   | GEN1007 | Triết học Mác – Lênin          | 3     |         |
| 2   | GEN1009 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2     |         |
| 3   | GEN1010 | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | 2     |         |
| 4   | GEN1011 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin  | 2     |         |
| 5   | GEN1008 | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | 2     |         |
| 6   | ECO1001 | Kinh tế vi mô 1                | 3     |         |
| 7   | ECO1002 | Kinh tế vĩ mô 1                | 3     |         |
| 8   | LAW1001 | Lý luận nhà nước và pháp luật  | 3     |         |
| 9   | LAW1501 | Luật doanh nghiệp              | 3     |         |
| 10  | BUS1100 | Quản trị học căn bản           | 3     |         |

#### B. Các môn tự chọn (10 tín chỉ)

|        |  |                                         |   |  |
|--------|--|-----------------------------------------|---|--|
| Nhóm 1 |  | Tâm lý học (2TC)                        | 2 |  |
|        |  | Nhập môn giao tiếp (2TC)                | 2 |  |
|        |  | Nhân học đại cương (2TC)                | 2 |  |
| Nhóm 2 |  | Quan hệ quốc tế (2TC)                   | 2 |  |
|        |  | Địa chính trị thế giới (2TC)            | 2 |  |
|        |  | Lịch sử văn minh thế giới               | 2 |  |
| Nhóm 3 |  | Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (2TC) | 2 |  |
|        |  | Logic học (2TC)                         | 2 |  |
|        |  | Kinh tế số (2TC)                        | 2 |  |
| Nhóm 4 |  | Xã hội học (2TC)                        | 2 |  |
|        |  | Văn hóa học (2TC)                       | 2 |  |
|        |  | Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)            | 2 |  |
| Nhóm 5 |  | Kỹ năng làm việc nhóm (2TC)             | 2 |  |
|        |  | Nghệ vụ hành chính văn phòng (2TC)      | 2 |  |



## 7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94 tín chỉ

### 7.2.1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: 32 tín chỉ

| STT | MÃ SỐ   | MÔN HỌC                                | SỐ TC | GHI CHÚ |
|-----|---------|----------------------------------------|-------|---------|
| 1   | LAW1007 | Luật Hiến pháp Việt Nam                | 3     |         |
| 2   | LAW1010 | Luật hành chính                        | 3     |         |
| 3   | LAW1005 | Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam | 3     |         |
| 4   | LAW1103 | Nghĩa vụ ngoài hợp đồng                | 2     |         |
| 5   | LAW1101 | Những vấn đề chung về Luật dân sự      | 3     |         |
| 6   | LAW1102 | Pháp luật về tài sản                   | 3     |         |
| 7   | LAW1502 | Luật hợp đồng – Lý thuyết về hợp đồng  | 3     |         |
| 8   | LAW1109 | Luật tố tụng dân sự                    | 3     |         |
| 9   | LAW1013 | Luật hình sự                           | 3     |         |
| 10  | LAW1219 | Luật môi trường                        | 3     |         |
| 11  | LAW1014 | Luật tố tụng hình sự                   | 3     |         |

### 7.2.2. Kiến thức ngành chính (ngành thứ nhất): 52 tín chỉ

#### 7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành chính (24 TC)

##### A. Các môn bắt buộc (18 TC)

| STT | Mã MH   | Tên Môn học                    | Số TC | Ghi chú |
|-----|---------|--------------------------------|-------|---------|
| 1   | LAW1504 | Luật sở hữu trí tuệ            | 3     |         |
| 2   | LAW1503 | Luật thương mại                | 3     |         |
| 3   | LAW1113 | Luật lao động                  | 3     |         |
| 4   | LAW1507 | Các hợp đồng dân sự thông dụng | 3     |         |
| 5   | LAW1212 | Luật thuế                      | 3     |         |
| 6   | LAW1505 | Luật đất đai                   | 3     |         |

##### B. Các môn tự chọn (9 TC)

| STT | Mã MH   | Tên Môn học                | Số TC | Ghi chú |
|-----|---------|----------------------------|-------|---------|
| 1   | COM1011 | Logistics                  | 2     |         |
| 2   | LAW1015 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản | 2     |         |

|   |         |                                                  |   |  |
|---|---------|--------------------------------------------------|---|--|
| 3 | ACC1013 | Nguyên lý kế toán                                | 2 |  |
| 4 | LAW1218 | Pháp luật về tài chính                           | 2 |  |
| 5 | FIN1103 | Quản trị tài chính                               | 2 |  |
| 6 | LAW1513 | Thủ tục thành lập doanh nghiệp và thủ tục đầu tư | 2 |  |
| 7 | ECO1003 | Phương pháp nghiên cứu khoa học                  | 2 |  |
| 8 | LAW1531 | Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý                  | 2 |  |

#### 7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính: (28 TC)

##### A. Các môn bắt buộc (24 TC)

| STT | Mã MH   | Tên Môn học                            | Số TC | Ghi chú |
|-----|---------|----------------------------------------|-------|---------|
| 1   | LAW1506 | Luật quốc tế                           | 3     |         |
| 2   | LAW1508 | Luật cạnh tranh                        | 3     |         |
| 3   | LAW1512 | Pháp luật về quản trị công ty          | 3     |         |
| 4   | LAW1104 | Tư pháp quốc tế                        | 3     |         |
| 5   | LAW1511 | Phá sản và giải quyết tranh chấp       | 2     |         |
| 6   | LAW1510 | Luật thương mại quốc tế                | 3     |         |
| 7   | LAW1202 | Luật ngân hàng                         | 2     |         |
| 8   | LAW1509 | Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng | 2     |         |
| 9   | LAW1518 | Luật kinh doanh quốc tế                | 3     |         |

##### B. Các môn tự chọn: 4 TC

| STT | Mã MH   | Tên Môn học                                         | Số TC | Ghi chú |
|-----|---------|-----------------------------------------------------|-------|---------|
| 1   | LAW1512 | Pháp luật sáp nhập và mua bán công ty               | 2     |         |
| 2   | LAW1114 | Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp lao động | 2     |         |
| 3   | LAW1514 | Pháp luật về xúc tiến thương mại                    | 2     |         |
| 4   | LAW1215 | Pháp luật kinh doanh bảo hiểm                       | 2     |         |

### 7.2.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp hoặc các HPCM: 10 tín chỉ

| STT | Mã MH   | Tên Môn học                                                      | Số TC | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------------------------------------------------|-------|---------|
|     |         | <b>Môn bắt buộc: 6 TC</b>                                        |       |         |
| 1   |         | Kiến tập                                                         | 2     |         |
| 2   |         | Thực tập cuối khóa                                               | 4     |         |
|     |         | <b>Môn tự chọn: 4 TC (khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 chuyên đề)</b> |       |         |
| 1   |         | Khóa luận tốt nghiệp                                             | 4     |         |
| 2   | LAW1516 | Chuyên đề 1: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng          | 2     |         |
|     | LAW1517 | Chuyên đề 2: Pháp luật kinh doanh bất động sản                   | 2     |         |

#### Ghi chú:

Tất cả sinh viên đều phải đi thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC.

Sinh viên chọn làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn học phần chuyên môn (4 tín chỉ).

Khóa luận thực hiện trong học kỳ 8. Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng.

### 7.3. Các môn học được giảng dạy song ngữ, tiếng Anh – dự kiến: (11 TC)

| STT | MÃ MH   | MÔN HỌC             | SỐ TC | GIẢNG VIÊN PHỤ TRÁCH     | TRỢ GIẢNG                  | NƠI CÔNG TÁC           | SONG NGỮ | TIẾNG ANH |
|-----|---------|---------------------|-------|--------------------------|----------------------------|------------------------|----------|-----------|
| 1   | LAW1504 | Luật sở hữu trí tuệ | 3     | ThS. Nguyễn Thị Lâm Nghi | ThS. Nguyễn Minh Bách Tùng | Khoa Luật Kinh tế UEL  | X        |           |
| 2   | LAW1518 | Luật kinh doanh     | 3     | TS. Trịnh Thục Hiền      | ThS. Phùng Thị Ngọc Lợi    | Viện Pháp luật Quốc tế | X        |           |



|   |         |                                             |   |                                 |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                       |   |  |
|---|---------|---------------------------------------------|---|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|   |         | quốc tế                                     |   |                                 |                                                                                                                                                                                                     | và So<br>sánh                                                                         |   |  |
| 3 | LAW1508 | Luật<br>cạnh<br>tranh                       | 3 | ThS.<br>Trương<br>Trọng<br>Hiếu | Dương Minh<br>Trúc<br>(MSSV:K19<br>5022072)<br>Nguyễn Thị<br>Hoài Phúc<br>(MSSV:K19<br>5022057)<br>Nguyễn Hoài<br>Linh<br>(MSSV:K19<br>5022046)<br>Nguyễn Thị<br>Ngọc Trân<br>(MSSV:K19<br>5022011) | K19502T<br>(Khoa<br>Luật<br>Kinh tế)<br><br>K195021<br>C<br>(Khoa<br>Luật<br>Kinh tế) | X |  |
| 4 | LAW1531 | Nghiên<br>cứu và<br>soạn<br>thảo<br>pháp lý | 2 | TS. Trịnh<br>Thục<br>Hiền       | ThS. Phùng<br>Thị Ngọc<br>Lợi                                                                                                                                                                       | Viện<br>Pháp luật<br>Quốc tế<br>và So<br>sánh                                         | X |  |

**KHỎI TỰ CHỌN MỞ RỘNG** (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

**Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)**

| TT | MÃ MH | MÔN HỌC | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|----|-------|---------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|    |       |         | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |

|   |         |                    |   |   |  |  |  |
|---|---------|--------------------|---|---|--|--|--|
| 1 | ECO1011 | Kinh tế vi mô 2    | 4 | 4 |  |  |  |
| 2 | ECO1012 | Kinh tế vĩ mô 2    | 4 | 4 |  |  |  |
| 3 | ECO1014 | Kinh tế phát triển | 4 | 4 |  |  |  |

**Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)**

| TT | MÃ MH   | MÔN HỌC            | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|----|---------|--------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|    |         |                    | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1  | ECO1022 | Kinh tế công 2     | 2         | 2         |           |                      |               |
| 2  | ECO1023 | Chính sách công    | 4         | 4         |           |                      |               |
| 3  | ECO1025 | Quản lý công       | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4  | ECO1014 | Kinh tế phát triển | 3         | 3         |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)**

| TT | MÃ MH   | MÔN HỌC                      | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|----|---------|------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|    |         |                              | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1  | COM1007 | Chính sách tài chính quốc tế | 3         | 3         |           |                      | COM1001       |
| 2  | COM1011 | Logistics                    | 3         | 3         |           |                      | MAT1103       |
| 3  | COM1032 | Kinh tế đối ngoại            | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4  | COM1023 | Quản trị xuất nhập khẩu      | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5  | COM1009 | Vận tải và bảo hiểm quốc tế  | 3         | 3         |           |                      |               |
| 6  | COM1012 | Thanh toán quốc tế           | 3         | 3         |           |                      | COM1007       |

**Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)**

| TT | MÃ MH   | MÔN HỌC                        | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |                      |
|----|---------|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|----------------------|
|    |         |                                | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi        |
| 1  | COM1033 | Quản trị mua hàng toàn cầu     | 3         | 3         |           |                      | COM1022 hoặc COM1024 |
| 2  | COM1035 | Kinh doanh quốc tế             | 4         | 4         |           |                      |                      |
| 3  | COM1004 | Đàm phán kinh doanh quốc tế    | 3         | 3         |           |                      |                      |
| 4  | COM1024 | Quản trị chuỗi cung ứng        | 4         | 4         |           |                      | MAT1103              |
| 5  | COM1040 | Khởi nghiệp Kinh doanh quốc tế | 2         | 2         |           |                      |                      |

|   |         |                                        |   |   |  |  |                    |
|---|---------|----------------------------------------|---|---|--|--|--------------------|
| 6 | COM1029 | Thẩm định & Quản trị dự án đầu tư      | 4 | 4 |  |  | ACC1013<br>BUS1100 |
| 7 | COM1008 | Quản trị tài chính công ty đa quốc gia | 4 | 4 |  |  |                    |

**Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)**

| TT        | MÃ MH   | MÔN HỌC                       | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----------|---------|-------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|           |         |                               | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| Tài chính |         |                               |           |           |           |                      |               |
| 1         | FIN1106 | Quản trị tài chính nâng cao   | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2         | FIN1105 | Đầu tư tài chính              | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3         | FIN1109 | Phân tích chứng khoán         | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4         | FIN1104 | Thuế                          | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5         | FIN1207 | Quản trị ngân hàng            | 3         | 3         |           |                      |               |
| 6         | FIN1203 | Ngân hàng thương mại          | 3         | 3         |           |                      |               |
| Ngân hàng |         |                               |           |           |           |                      |               |
| 1         | FIN1201 | Tiền tệ ngân hàng             | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2         | FIN1207 | Quản trị ngân hàng            | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3         | FIN1203 | Ngân hàng thương mại          | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4         | FIN1206 | Ngân hàng thương mại nâng cao | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5         | FIN1106 | Quản trị tài chính nâng cao   | 3         | 3         |           |                      |               |
| 6         | FIN1105 | Đầu tư tài chính              | 3         | 3         |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)**

| TT | MÃ MH   | MÔN HỌC                      | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|----|---------|------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|    |         |                              | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1  | ACC1023 | Kế toán tài chính            | 4         | 4         |           | ACC1013              |               |
| 2  | ACC1502 | Lý thuyết kiểm toán          | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3  | ACC1063 | Kế toán phần hành 1          | 3         | 3         |           | ACC1013              |               |
| 4  | ACC1153 | Thuế - thực hành và khai báo | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5  | ACC1582 | Phân tích báo cáo tài chính  | 2         | 2         |           | ACC1034              |               |



**Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)**

| TT | MÃ MH   | MÔN HỌC                     | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|----|---------|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|    |         |                             | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1  | ACC1033 | Kế toán tài chính 1         | 3         | 3         |           | ACC1013              |               |
| 2  | ACC1043 | Kế toán tài chính 2         | 3         | 3         |           | ACC1013              |               |
| 3  | ACC1503 | Lý thuyết kiểm toán         | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4  | ACC1083 | Kế toán quốc tế             | 3         | 3         |           | ACC1013              |               |
| 5  | ACC1583 | Phân tích báo cáo tài chính | 3         | 3         |           | ACC1034              |               |

**Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)**  
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

| TT                                                     | MÃ MH   | MÔN HỌC                                             | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|--------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|                                                        |         |                                                     | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| Nhóm 1 (Hướng hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP) |         |                                                     |           |           |           |                      |               |
| 1                                                      | MIS1017 | Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý     | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2                                                      | MIS1015 | Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 1 | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3                                                      | MIS1016 | Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 2 | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4                                                      | MIS1011 | Cơ sở dữ liệu                                       | 3         | 2         | 1         |                      |               |
| Nhóm 2 (Hướng phân tích dữ liệu)                       |         |                                                     |           |           |           |                      |               |
| 1                                                      | MIS1017 | Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý     | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2                                                      | MIS1021 | Phân tích dữ liệu với R/Python                      | 3         | 2         | 1         |                      |               |
| 3                                                      | MIS1011 | Cơ sở dữ liệu                                       | 3         | 2         | 1         |                      |               |
| 4                                                      | MIS1061 | Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định     | 3         | 3         |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)**  
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

| TT                  | MÃ MH | MÔN HỌC | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|---------------------|-------|---------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|                     |       |         | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| Nhóm 1: E-Marketing |       |         |           |           |           |                      |               |

|                                               |         |                                             |   |   |   |  |  |
|-----------------------------------------------|---------|---------------------------------------------|---|---|---|--|--|
| 1                                             | MIS1034 | Thương mại điện tử                          | 3 | 3 |   |  |  |
| 2                                             | MIS1040 | Marketing điện tử                           | 3 | 3 |   |  |  |
| 3                                             | MIS1031 | Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM) | 3 | 3 |   |  |  |
| 4                                             | MIS1042 | Thanh toán điện tử                          | 3 | 3 |   |  |  |
| <b>Nhóm 2: Quản trị TMDT và Chuyển đổi số</b> |         |                                             |   |   |   |  |  |
| 1                                             | MIS1107 | Quản trị chuyển đổi số                      | 3 | 3 |   |  |  |
| 2                                             | MIS1011 | Cơ sở dữ liệu                               | 3 | 2 | 1 |  |  |
| 3                                             | MIS1021 | Phân tích dữ liệu với R/Python              | 3 | 2 | 1 |  |  |
| 4                                             | MIS1102 | Chuyển đổi số trong kinh doanh              | 3 | 3 |   |  |  |

**Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)**

| TT | MÃ MH    | MÔN HỌC                 | Tín chỉ   |                    |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|----|----------|-------------------------|-----------|--------------------|-----------|----------------------|---------------|
|    |          |                         | Tổng cộng | Lý thuyết          | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1  | BUS 1103 | Quản trị nguồn nhân lực | 3         | Chọn 3 trong 5 môn |           |                      |               |
| 2  | BUS 1105 | Quản trị chiến lược     | 3         |                    |           |                      |               |
| 3  | BUS 1205 | Quản trị marketing      | 3         |                    |           |                      |               |
| 4  | BUS 1207 | Quản trị truyền thông   | 3         |                    |           |                      |               |
| 5  | BUS 1210 | Nghiên cứu marketing    | 3         |                    |           |                      |               |
| 6  | BUS 1300 | Nghệ thuật lãnh đạo     | 3         | Chọn 1 trong 2 môn |           |                      |               |
| 7  | BUS 1308 | Kỹ năng bán hàng        | 3         |                    |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)**

| TT | MÃ MH   | MÔN HỌC                 | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|----|---------|-------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|    |         |                         | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1  | LAW1502 | Luật hợp đồng           | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2  | LAW1504 | Luật sở hữu trí tuệ     | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3  | LAW1503 | Luật Thương mại         | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4  | LAW1505 | Luật Đất đai            | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5  | LAW1508 | Luật cạnh tranh         | 3         | 3         |           |                      |               |
| 6  | LAW1518 | Luật Kinh doanh quốc tế | 3         | 3         |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)**

| TT | MÃ MH   | MÔN HỌC                                    | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |                                                                |
|----|---------|--------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|----------------------------------------------------------------|
|    |         |                                            | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi                                                  |
| 1  | LAW1101 | Những vấn đề chung về luật dân sự          | 3         | 3         |           |                      | LAW1001                                                        |
| 2  | LAW1103 | Nghĩa vụ ngoài hợp đồng                    | 2         | 2         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102                                  |
| 3  | LAW1108 | Pháp luật về tài sản trong gia đình        | 2         | 2         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103<br>LAW1107            |
| 4  | LAW1109 | Tổ tụng dân sự                             | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103                       |
| 5  | LAW1114 | Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103<br>LAW1109<br>LAW1113 |

**Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)**

| TT | MÃ MH   | MÔN HỌC                           | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |                                          |
|----|---------|-----------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|------------------------------------------|
|    |         |                                   | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi                            |
| 1  | LAW1101 | Những vấn đề chung về luật dân sự | 3         | 3         |           |                      | LAW1001                                  |
| 2  | LAW1201 | Luật ngân hàng                    | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103 |
| 3  | LAW1206 | Luật chứng khoán                  | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101                       |



|   |         |           |   |   |  |  |                                                     |
|---|---------|-----------|---|---|--|--|-----------------------------------------------------|
|   |         |           |   |   |  |  | LAW1102<br>LAW1103                                  |
| 4 | LAW1212 | Luật thuế | 3 | 3 |  |  | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103<br>LAW1207 |

### 8. Khung kế hoạch giảng dạy: Theo từng học kỳ

#### HỌC KỲ I – 14 TC

| STT | Mã MH           | MÔN HỌC                                             | Tín chỉ           |           |           | Điều kiện tiên quyết |               | Giảng dạy tiếng Anh hoặc song ngữ |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------|-------------------|-----------|-----------|----------------------|---------------|-----------------------------------|
|     |                 |                                                     | Tổng cộng         | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |                                   |
|     |                 | <b>Môn học bắt buộc</b>                             | <b>12</b>         | <b>12</b> |           |                      |               |                                   |
| 1   | <b>ECO1001</b>  | Kinh tế học vi mô 1                                 | 3                 | 3         |           |                      |               |                                   |
| 2   | <b>LAW1001</b>  | Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương) | 3                 | 3         |           |                      |               |                                   |
| 3   | <b>GEN1007</b>  | Triết học Mác – Lênin                               | 3                 | 3         |           |                      |               |                                   |
| 4   | <b>BUS 1100</b> | Quản trị học căn bản                                | 3                 | 3         |           |                      |               |                                   |
|     |                 | <b>Môn học tự chọn</b>                              | <b>2</b>          | <b>2</b>  |           |                      |               |                                   |
| 5   | <b>GEN1101</b>  | Tâm lý học đại cương                                | <b>3 môn chọn</b> | 2         | 2         |                      |               |                                   |
| 6   | <b>GEN1102</b>  | Nhập môn khoa                                       |                   | 2         | 2         |                      |               |                                   |

|   |         |                    |   |   |   |  |  |  |  |
|---|---------|--------------------|---|---|---|--|--|--|--|
|   |         | học giao tiếp      | 1 |   |   |  |  |  |  |
| 7 | GEN1108 | Nhân học đại cương |   | 2 | 2 |  |  |  |  |
| 8 | GEN1004 | Giáo dục thể chất  | 3 | 3 |   |  |  |  |  |
|   |         | 1                  |   |   |   |  |  |  |  |

## HỌC KỲ II – 18 TC

| STT | Mã MH   | MÔN HỌC                                | Tín chỉ      |           |           | Điều kiện tiên quyết |               | Giảng dạy tiếng Anh hoặc song ngữ |
|-----|---------|----------------------------------------|--------------|-----------|-----------|----------------------|---------------|-----------------------------------|
|     |         |                                        | Tổng cộng    | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |                                   |
|     |         | <b>Môn học bắt buộc</b>                | <b>14</b>    | <b>14</b> |           |                      |               |                                   |
| 1   | ECO1002 | Kinh tế vĩ mô 1                        | 3            | 3         |           |                      | ECO1001       |                                   |
| 2   | GEN1008 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                   | 2            | 2         |           |                      |               |                                   |
| 3   | LAW1101 | Những vấn đề chung về luật dân sự      | 3            | 3         |           |                      | LAW1001       |                                   |
| 4   | LAW1007 | Luật hiến pháp Việt Nam                | 3            | 3         |           |                      | LAW1001       |                                   |
| 5   | LAW1005 | Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam | 3            | 3         |           |                      | LAW1001       |                                   |
|     |         | <b>Môn học tự chọn</b>                 | <b>4</b>     | <b>4</b>  |           |                      |               |                                   |
| 6   | GEN1103 | Địa chính trị thế giới                 | 3 môn chọn 1 | 2         | 2         |                      |               |                                   |
| 7   | GEN1104 | Quan hệ quốc tế                        |              | 2         | 2         |                      |               |                                   |
| 8   | GEN1009 | Lịch sử văn minh thế giới              |              | 2         | 2         |                      |               |                                   |

|    |         |                           |                  |   |   |  |  |  |  |
|----|---------|---------------------------|------------------|---|---|--|--|--|--|
| 9  | GEN1105 | Văn hóa học               | 3                | 2 | 2 |  |  |  |  |
| 10 | GEN1106 | Xã hội học                | môn<br>chọn<br>1 | 2 | 2 |  |  |  |  |
| 11 | GEN1110 | Cơ sở văn hóa<br>Việt Nam |                  | 2 | 2 |  |  |  |  |
| 12 | GEN1005 | Giáo dục thể chất<br>2    | 2                | 2 |   |  |  |  |  |
| 13 | GEN1006 | Giáo dục QP (4<br>tuần)   | 165t             |   |   |  |  |  |  |

### HỌC KỲ III - 18 TC

| STT | Mã MH   | MÔN HỌC                               | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |                    | Giảng dạy tiếng Anh hoặc song ngữ |
|-----|---------|---------------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|--------------------|-----------------------------------|
|     |         |                                       | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi      |                                   |
|     |         | <b>Môn học bắt buộc</b>               | <b>14</b> | <b>14</b> |           |                      |                    |                                   |
| 1   | LAW1102 | Luật tài sản                          | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101 |                                   |
| 2   | LAW1010 | Luật hành chính                       | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1007 |                                   |
| 3   | LAW1501 | Luật doanh nghiệp                     | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101 |                                   |
| 4   | LAW1502 | Luật hợp đồng – Lý thuyết về hợp đồng | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101 |                                   |
| 5   | GEN1011 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin         | 2         | 2         |           |                      |                    |                                   |
|     |         | <b>Môn học tự chọn</b>                | <b>2</b>  | <b>2</b>  |           |                      |                    |                                   |
| 7   | GEN1112 | Nghị quyết hành chính                 | 2<br>môn  | 2         | 2         |                      |                    |                                   |



|    |                |                                                                 |             |   |   |  |                                                    |  |
|----|----------------|-----------------------------------------------------------------|-------------|---|---|--|----------------------------------------------------|--|
|    |                | văn phòng                                                       | <b>chọn</b> |   |   |  |                                                    |  |
| 8  | <b>BUS1303</b> | Kỹ năng<br>làm việc<br>nhóm                                     | <b>1</b>    | 2 | 2 |  |                                                    |  |
| 9  | <b>LAW1513</b> | Thủ tục<br>thành lập<br>doanh<br>nghiệp và<br>thủ tục đầu<br>tư | 2           |   | 2 |  | <b>LAW1501</b><br><b>LAW1007</b><br><b>LAW1010</b> |  |
| 10 | <b>LAW1015</b> | Kỹ thuật<br>soạn thảo<br>văn bản                                | 2           |   | 2 |  | <b>LAW1001</b><br><b>LAW1010</b>                   |  |

#### HỌC KỲ IV - 20 TC

| STT | Mã MH          | MÔN HỌC                        | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |                                                    | Giảng dạy tiếng Anh hoặc song ngữ |
|-----|----------------|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                |                                | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi                                      |                                   |
|     |                | <b>Môn học bắt buộc</b>        | <b>16</b> | <b>16</b> |           |                      |                                                    |                                   |
| 1   | <b>LAW1506</b> | Luật quốc tế                   | 3         | 3         |           |                      | <b>LAW1001</b><br><b>LAW1007</b><br><b>LAW1101</b> |                                   |
| 2   | <b>LAW1503</b> | Luật thương mại                | 3         | 3         |           |                      | <b>LAW1001</b><br><b>LAW1101</b><br><b>LAW1501</b> |                                   |
| 3   | <b>LAW1507</b> | Các hợp đồng dân sự thông dụng | 3         | 3         |           |                      | <b>LAW1101</b><br><b>LAW1502</b>                   |                                   |
| 4   | <b>LAW1103</b> | Nghĩa vụ ngoài hợp             | 2         | 2         |           |                      | <b>LAW1001</b><br><b>LAW1101</b>                   |                                   |

|    |                |                                         |                          |   |   |  |                                                                      |  |
|----|----------------|-----------------------------------------|--------------------------|---|---|--|----------------------------------------------------------------------|--|
|    |                | đồng                                    |                          |   |   |  | <b>LAW1102</b>                                                       |  |
| 5  | <b>LAW1505</b> | Luật đất đai                            | 3                        | 3 |   |  | <b>LAW1001</b><br><b>LAW1101</b>                                     |  |
| 6  | <b>GEN1009</b> | Lịch sử<br>Đảng Cộng<br>sản Việt<br>Nam | 2                        | 2 |   |  |                                                                      |  |
|    |                | <b>Môn học tự<br/>chọn</b>              | 2                        | 2 |   |  |                                                                      |  |
| 7  | <b>MIS1105</b> | Chuyển đổi<br>số và trí tuệ<br>nhân tạo | 3<br><b>môn<br/>chọn</b> | 2 | 2 |  |                                                                      |  |
| 8  | <b>GEN1107</b> | Logic học                               | 1                        | 2 | 2 |  |                                                                      |  |
| 9  | <b>ECO1060</b> | Kinh tế số                              |                          | 2 | 2 |  |                                                                      |  |
| 10 | <b>COM1011</b> | Logistics                               | 2                        | 2 |   |  |                                                                      |  |
| 11 | <b>ACC1013</b> | Nguyên lý kế<br>toán                    | 2                        | 2 |   |  |                                                                      |  |
| 12 | <b>LAW1218</b> | Luật tài<br>chính                       | 2                        | 2 |   |  | <b>LAW1007</b><br><b>LAW1010</b><br><b>LAW1212</b><br><b>LAW1501</b> |  |

#### HỌC KỲ V - 19 TC

| STT | Mã MH          | MÔN HỌC                     | Tín chỉ      |              |              | Điều kiện tiên<br>quyết |                                                                      | Giảng dạy<br>tiếng Anh<br>hoặc song<br>ngữ |
|-----|----------------|-----------------------------|--------------|--------------|--------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|     |                |                             | Tổng<br>cộng | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành | Tích<br>lũy             | Đã học và<br>thi                                                     |                                            |
|     |                | <b>Môn học<br/>bắt buộc</b> | <b>17</b>    | <b>17</b>    |              |                         |                                                                      |                                            |
| 1   | <b>LAW1109</b> | Luật tố tụng<br>dân sự      | 3            | 3            |              |                         | <b>LAW1001</b><br><b>LAW1101</b><br><b>LAW1102</b><br><b>LAW1103</b> |                                            |

|   |         |                               |   |   |  |  |                                                     |   |
|---|---------|-------------------------------|---|---|--|--|-----------------------------------------------------|---|
| 2 | LAW1013 | Luật hình sự                  | 3 | 3 |  |  | LAW1001<br>LAW1010                                  |   |
| 3 | LAW1113 | Luật lao động                 | 3 | 3 |  |  | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103<br>LAW1109 |   |
| 4 | LAW1508 | Luật cạnh tranh               | 3 | 3 |  |  | LAW1502<br>LAW1503<br>LAW1507                       | X |
| 5 | LAW1512 | Pháp luật về quản trị công ty | 3 | 3 |  |  | LAW1501<br>LAW1101<br>LAW1502                       |   |
| 6 | GEN1010 | Chủ nghĩa xã hội khoa học     | 2 | 2 |  |  |                                                     |   |
|   |         | <b>Môn học tự chọn</b>        | 2 | 2 |  |  |                                                     |   |
| 7 | FIN1103 | Quản trị tài chính            | 2 | 2 |  |  |                                                     |   |
| 8 | LAW1215 | Pháp luật kinh doanh bảo hiểm | 2 | 2 |  |  | LAW1503<br>LAW1502<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103 |   |

#### HỌC KỲ VI - 20 TC

| STT | Mã MH | MÔN HỌC                 | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               | Giảng dạy tiếng Anh hoặc song ngữ |
|-----|-------|-------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|-----------------------------------|
|     |       |                         | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |                                   |
|     |       | <b>Môn học bắt buộc</b> | <b>16</b> | <b>14</b> | <b>2</b>  |                      |               |                                   |



|   |         |                                                                    |          |          |   |  |                                                     |  |
|---|---------|--------------------------------------------------------------------|----------|----------|---|--|-----------------------------------------------------|--|
| 1 | LAW1014 | Luật tổ<br>tụng hình<br>sự                                         | 3        | 3        |   |  | LAW1001<br>LAW1109                                  |  |
| 2 | LAW1212 | Luật thuế                                                          | 3        | 3        |   |  | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103<br>LAW1207 |  |
| 3 | LAW1104 | Tư pháp<br>quốc tế                                                 | 3        | 3        |   |  | LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103                       |  |
| 4 | LAW1511 | Phá sản và<br>giải quyết<br>tranh chấp                             | 2        | 2        |   |  | LAW1501<br>LAW1503<br>LAW1109                       |  |
| 5 | LAW1510 | Luật<br>thương<br>mại quốc<br>tế                                   | 3        | 3        |   |  | LAW1502<br>LAW1506                                  |  |
| 6 |         | Kiến tập                                                           | 2        |          | 2 |  |                                                     |  |
|   |         | <b>Môn học<br/>tự chọn</b>                                         | <b>4</b> | <b>4</b> |   |  |                                                     |  |
| 7 | LAW1512 | Pháp luật<br>mua bán<br>và sáp<br>nhập công<br>ty                  | 2        | 2        |   |  | LAW1501<br>LAW1502<br>LAW1507<br>LAW1508            |  |
| 8 | LAW1114 | Hợp đồng<br>lao động<br>và giải<br>quyết tranh<br>chấp lao<br>động | 2        | 2        |   |  | LAW1502<br>LAW1109<br>LAW1113                       |  |
| 9 | LAW1514 | Pháp luật                                                          | 2        | 2        |   |  | LAW1503                                             |  |

|    |                |                                          |   |   |  |  |                                  |          |
|----|----------------|------------------------------------------|---|---|--|--|----------------------------------|----------|
|    |                | về xúc tiến<br>thương<br>mại             |   |   |  |  | <b>LAW1508</b><br><b>LAW1510</b> |          |
| 10 | <b>LAW1531</b> | Nghiên<br>cứu và<br>soạn thảo<br>pháp lý | 2 | 2 |  |  |                                  | <b>X</b> |
| 11 | <b>ECO1003</b> | Phương<br>pháp<br>nghiên cứu<br>khoa học | 2 | 2 |  |  |                                  |          |

### HỌC KỲ VII - 13 TC

| STT | Mã MH          | MÔN<br>HỌC                                         | Tín chỉ      |              |              | Điều kiện tiên<br>quyết |                                                                                        | Giảng dạy<br>tiếng Anh<br>hoặc song<br>ngữ |
|-----|----------------|----------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|     |                |                                                    | Tổng<br>cộng | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành | Tích<br>lũy             | Đã học và<br>thi                                                                       |                                            |
|     |                | Môn học<br>bắt buộc                                | 13           | 13           |              |                         |                                                                                        |                                            |
| 1   | <b>LAW1202</b> | Luật<br>ngân<br>hàng                               | 2            | 2            |              |                         | <b>LAW1101</b><br><b>LAW1102</b><br><b>LAW1103</b>                                     |                                            |
| 2   | <b>LAW1509</b> | Kỹ năng<br>đàm<br>phán và<br>soạn thảo<br>hợp đồng | 2            | 2            |              |                         | <b>LAW1502</b><br><b>LAW1507</b><br><b>LAW1101</b><br><b>LAW1503</b><br><b>LAW1103</b> |                                            |
| 3   | <b>LAW1504</b> | Luật sở<br>hữu trí<br>tuệ                          | 3            | 3            |              |                         | <b>LAW1101</b>                                                                         | <b>X</b>                                   |
| 4   | <b>LAW1219</b> | Luật môi<br>trường                                 | 3            | 3            |              |                         | <b>LAW1101</b><br><b>LAW1102</b><br><b>LAW1103</b>                                     |                                            |

|   |         |                         |   |   |  |  |                                          |   |
|---|---------|-------------------------|---|---|--|--|------------------------------------------|---|
| 5 | LAW1518 | Luật kinh doanh quốc tế | 3 | 3 |  |  | LAW1510<br>LAW1502<br>LAW1506<br>LAW1507 | X |
|---|---------|-------------------------|---|---|--|--|------------------------------------------|---|

### HỌC KỲ VIII - 8 TC

| ST T | Mã MH   | MÔN HỌC                                                 | Tín chỉ   |           |           |                                          | Giảng dạy tiếng Anh hoặc song ngữ |
|------|---------|---------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|------------------------------------------|-----------------------------------|
|      |         |                                                         | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Điều kiện tiên quyết                     |                                   |
|      |         | Môn học bắt buộc                                        | 4         |           | 4         |                                          |                                   |
| 1    |         | Thực tập tốt nghiệp                                     | 4         |           | 4         |                                          |                                   |
|      |         | Môn học tự chọn                                         | 4         |           | 4         |                                          |                                   |
| 2    |         | Khóa luận tốt nghiệp hoặc chuyên đề thay thế            | 4         |           |           |                                          |                                   |
| 3    | LAW1516 | Chuyên đề 1: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | 2         | 2         |           | LAW1101<br>LAW1501                       |                                   |
| 4    | LAW1517 | Chuyên đề 2: Pháp luật kinh doanh bất động sản          | 2         | 2         |           | LAW1505<br>LAW1502<br>LAW1507<br>LAW1503 |                                   |

### 9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học

#### TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN

Số TC: 03 TC (Lý thuyết: 3 TC/ Thực hành: 0 TC)

Điều kiện tiên quyết:



**Nội dung:**

- Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin.
- Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

**KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Triết học Mác- Lênin

**Nội dung:** Môn học cung cấp cho người học:

- + Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của C.Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước.
- + Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác - Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin

**Nội dung:**

Môn học trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

**LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:**

**Nội dung:**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách

mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng.

Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

### **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:**

**Nội dung:**

Môn học trang bị cho người học những tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

### **LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 3 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:**

**Nội dung:**

- Lý luận nhà nước và pháp luật nghiên cứu đồng thời hai hiện tượng nhà nước và pháp luật ở những góc độ chung nhất.
- Lý luận về nhà nước và pháp luật nghiên cứu một cách toàn diện những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất, có tính quy luật về nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng.
- Lý luận nhà nước và pháp luật là hệ thống tri thức về những quy luật phát sinh, phát triển đặc thù, những đặc tính chung và những biểu hiện quan trọng nhất của nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng.

### **QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:**



**Nội dung:**

Môn học quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức, phối hợp hoạt động có hiệu quả của nhà quản trị nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức, trong điều kiện biến động của môi trường kinh doanh. Nội dung môn học gồm 2 phần. Phần tổng quan trang bị cho người học những kiến thức chung về quản trị như: Khái niệm, vai trò của quản trị; sự ra đời và phát triển của các học thuyết về quản trị; môi trường quản trị, vai trò của thông tin trong quản trị; và việc ra quyết định trong quản trị. Phần nghiên cứu các chức năng của quản trị giới thiệu cho người học 4 chức năng chính của nhà quản trị là: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, và chức năng kiểm tra.

Ngoài ra, môn học còn giới thiệu đến người học chân dung những nhà quản trị đương thời, các kinh nghiệm thực tế liên quan đến vấn đề quản trị ở các công ty; và một số ứng dụng của các học thuyết quản trị trong các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới được lồng ghép trong từng chương.

**XÃ HỘI HỌC**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:**

**Nội dung:**

Nội dung môn học gồm 5 bài, tập trung vào các vấn đề: Lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học pháp luật với tư cách là một ngành khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của xã hội học pháp luật, bản chất xã hội của pháp luật và các vấn đề chuyên sâu về xã hội học pháp luật như: pháp luật trong mối liên hệ với các chuẩn mực xã hội, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động thực hiện pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động áp dụng pháp luật, ...

**NGHIỆP VỤ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG**

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học căn bản

**Mô tả môn học:**

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng định, tổ chức các cuộc họp, hội nghị và các chuyến đi công tác; thực hành quản trị thời gian, quản trị thông tin, phân loại các loại văn bản, lưu trữ hồ sơ; biết thực hiện các thao tác trong tiếp khách và gọi điện thoại.



## CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

**Số TC:** 03 tín chỉ

**Mô tả môn học:**

Môn học này cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế từ các lĩnh vực của Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo. Đây là một môn học giúp các sinh viên tiếp cận và xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho việc nghiên cứu về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tương lai của nền công nghiệp 4.0. Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan cũng những tình huống thực tế từ các doanh nghiệp đã và đang áp dụng chuyển đổi số cũng như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo để giải các bài toán nghiệp vụ chuyên môn trong kinh tế, kinh doanh và quản lý, hình thành ý tưởng và lên kế hoạch ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

## KINH TẾ SỐ (DIGITAL ECONOMICS)

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Phân bổ thời gian:** 30 tiết (20 tiết lý thuyết + 10 tiết thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên phải tích lũy được môn Kinh tế vi mô 1.

**Mô tả môn học:**

Môn học trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số. Thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế số.

Kết thúc môn học, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định. Phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế. Áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn.

## NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

**Số TC:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên có kiến thức cơ bản về Tin học

**Mô tả môn học:**

Sinh viên nắm được nguyên tắc kế toán căn bản, các vấn đề liên quan đến sổ sách và chứng từ kế toán, phương pháp kế toán quá trình sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc cơ bản này để lập các bảng báo cáo kế toán như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

## KINH TẾ VI MÔ I

**Số TC:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã được trang bị kiến thức về toán cao cấp

**Mô tả môn học:**

Kinh tế vi mô là một nhánh của kinh tế học, môn học này cung cấp cho sinh viên những khối kiến thức cơ bản về kinh tế bao gồm: lý thuyết cung – cầu và cân bằng cung cầu, lý thuyết về

hành vi của người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất và chi phí, hành vi của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo và không hoàn hảo, lý thuyết về thị trường các yếu tố sản xuất. Ngoài việc diễn giải bằng lời, môn học còn sử dụng các mô hình và giả định giúp người học hiểu rõ hơn cách thức đạt đến trạng thái cân bằng của thị trường, và những quyết định phối hợp tiêu dùng, phối hợp đầu vào hay lựa chọn mức sản lượng nhằm tối đa hóa lợi ích, tối đa hóa lợi nhuận, tối đa hóa doanh thu hoặc tối thiểu hóa chi phí sản xuất.

Tóm lại, nội dung môn học hướng đến việc phân tích và diễn giải những vấn đề kinh tế thuộc phạm vi chi tiết, riêng lẻ, đồng thời trang bị những công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc học tập và nghiên cứu các sự kiện và hiện tượng kinh tế sâu sắc hơn.

### KINH TẾ VĨ MÔ I

**Số TC:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên học xong môn toán cao cấp – C và môn kinh tế học vi mô

**Mô tả môn học:**

Môn học gồm tập trung vào những nội dung cơ bản như nghiên cứu cơ chế vận hành và các yếu tố quyết định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, xác định tổng cung, tổng cầu và vai trò, tác động của chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương và chính sách tỷ giá, nghiên cứu, tìm hiểu mối quan hệ giữa các chỉ số kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.

### LOGIC HỌC

**Số TC:** 2 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Không

**Mô tả môn học:**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các quy luật, quy tắc logic trong suy nghĩ, tranh luận, trình bày ý kiến; giúp họ phân biệt được suy luận đúng hay sai; giúp nhận ra và tránh nguy hiểm, biết cách định nghĩa các khái niệm và thuật ngữ, biết cách chứng minh hoặc bác bỏ một quan điểm, luận đề.

### TÂM LÝ HỌC

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên phải học qua môn Triết học

**Mô tả môn học:**

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về những đặc điểm đặc trưng, cơ chế nảy sinh, hình thành và biểu hiện cụ thể của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người.

### NHẬP MÔN GIAO TIẾP

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Mô tả môn học:**

Môn học giúp sinh viên nắm vững:

- Những khái niệm cơ bản về lý thuyết truyền thông và giao tiếp.



- Vai trò và ý nghĩa của truyền thông giao tiếp trong đời sống xã hội nói chung và trong lĩnh vực công tác xã hội nói riêng.
- Các kỹ năng trong quá trình truyền thông và giao tiếp để có thể hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng trong các hoạt động xã hội.

### **NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Mô tả môn học:**

Là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nên mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức để hiểu ngành khoa học nghiên cứu về con người, trên các phương diện sinh học, văn hóa, xã hội; hiểu mối liên hệ giữa ngành nhân học với các ngành khoa học khác như lịch sử, triết học, tôn giáo, tâm lý học...; hiểu về phương pháp, lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu của ngành nhân học.

Trang bị cho sinh viên các kỹ năng trong nghiên cứu nhân học, hiểu về cách vận dụng phương pháp, lý thuyết khi nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nhân học.

Sinh viên biết tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các tộc người người ở Việt Nam và trên thế giới.

### **ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI**

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Mô tả môn học:**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

### **LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI**

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Mô tả môn học:**

Lịch sử văn minh thế giới bao gồm hệ thống kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập), văn minh phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Tây Âu) và nền văn minh cận - hiện đại.

### **VĂN HÓA HỌC**

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** có kiến thức cơ bản về xã hội

**Mô tả môn học:**

Môn học văn hóa học là một môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, thông qua môn học, người học có thể nắm được các nội dung: (1) điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối



sự hình thành văn hóa Việt Nam; (2) cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam; (3) đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam; (4) văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa; (5) các vùng văn hóa Việt Nam.

### **CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Mô tả môn học:**

Môn học nhằm cung cấp cho người học ngành khoa học xã hội – nhân văn kiến thức nền về văn hóa và văn hóa Việt Nam, đồng thời hướng dẫn người học hướng tiếp cận văn hóa học khi nghiên cứu văn hóa Việt Nam, tạo cơ sở để có thể tự tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu hoặc hỗ trợ cho người học nghiên cứu chuyên ngành của họ.

### **KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM**

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Mô tả môn học:**

Nắm được các khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò của cá nhân trong nhóm, thấy được sự cần thiết của làm việc nhóm. Hiểu bản chất của hình thức làm việc theo nhóm, cơ cấu tổ chức nhóm. Tầm quan trọng sự khác biệt trong việc tạo thành công của nhóm, nguyên tắc điều chỉnh hoạt động giao tiếp nhóm, các mâu thuẫn thường phát sinh trong nhóm và tăng cường động lực làm việc cho các thành viên.

### **QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Mô tả môn học:**

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập,...

Môn học cũng giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

### **PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH**

**Số TC:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Lý luận Nhà nước và Pháp luật; Luật Hiến pháp; Bộ luật dân sự; Luật Hành chính; Luật Thương mại; Luật Doanh nghiệp; Lý thuyết tài chính tiền tệ; Luật Đầu tư; Luật Ngân hàng.

**Mô tả môn học:**

Môn học chuyên ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật tài chính bao gồm 02 phần chính là tài chính công (ngân sách nhà nước) và tài chính tư (doanh nghiệp). Ở phần tài chính công, môn học cung cấp cho sinh viên cái nhìn khái quát về khái niệm, đặc điểm ngân sách nhà nước, hệ thống ngân sách nhà nước, pháp luật về thu – chi ngân sách và quy định về quản lý, thanh tra, kiểm toán, xử lý vi phạm trong thu chi ngân sách. Ở phần tài chính tư, môn học cung cấp cho sinh viên góc nhìn khái quát về tài chính của doanh nghiệp, đặc biệt là sự điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ tài chính DN, tập trung vào các nội dung về tạo lập và sử dụng vốn, quản lý tài sản, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của DN.

Bên cạnh đó môn học còn cung cấp kiến thức cho sinh viên về việc áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính, phân biệt các khái niệm để nhầm lẫn khi tiếp cận và xác định được vai trò của từng đối tượng trong bối cảnh quản lý tài chính.

Từ việc học môn luật tài chính sinh viên có thể ứng dụng kiến thức lý luận để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

### **QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH**

**Số TC:** 03 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Nguyên lý thị trường tài chính

**Nội dung môn học:** Môn học Quản trị tài chính gồm 7 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề: nguyên tắc tài chính và cơ chế hoạt động tài chính doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, phân tích báo cáo tài chính, lý thuyết rủi ro & lợi nhuận và quyết định hoạch định ngân sách vốn đầu tư.

Các nội dung bao quát trong chương trình gồm:

- Tổng quan về quản trị tài chính
- Báo cáo tài chính và dòng tiền
- Phân tích báo cáo tài chính
- Giá trị theo thời gian của tiền
- Rủi ro và lợi nhuận
- Các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư
- Ước lượng dòng tiền và đánh giá rủi ro dự án

### **LOGISTICS**

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên có kiến thức Thống kê ứng dụng.

**Mô tả môn học:** Môn học giúp sinh viên hiểu được nội dung cơ bản về logistics và các hoạt động logistics, hiểu rõ các yếu tố xác định chi phí logistics; Có kiến thức tổng quát về cách thức tổ chức hoạt động logistics đang được ứng dụng tại một số doanh nghiệp Việt Nam; Hoàn thiện và xây dựng được các phương án tối ưu cho hoạt động logistics cho doanh nghiệp.



## PHÁP LUẬT SÁP NHẬP VÀ MUA BÁN CÔNG TY

**Số TC:** 02 tín chỉ

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, bao gồm:

- Lý luận nhà nước và Pháp luật;
- Những vấn đề chung về luật dân sự;
- Lý thuyết về hợp đồng;
- Pháp luật về chủ thể kinh doanh;
- Luật đầu tư.

### Mô tả môn học:

Nội dung môn học bao gồm 4 chương trình bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến các khái niệm cơ bản và quá trình thực hiện giao dịch M&A, các quy định pháp luật liên quan và một số lưu ý trong thực hiện giao dịch M&A.

## KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

**Số TC:** 2 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong các môn học:

- Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Luật Hiến pháp Việt Nam

### Nội dung:

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý nhà nước; nguyên tắc, quy trình xây dựng và ngôn ngữ sử dụng trong văn bản quản lý nhà nước; thẩm quyền ban hành văn bản quản lý nhà nước và các hình thức văn bản quản lý nhà nước được áp dụng ở nước ta hiện nay.

Một nội dung nữa tương đối quan trọng của chương trình là quy trình soạn thảo một số văn bản quản lý nhà nước và các mẫu văn bản cụ thể.



## **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

### **Nội dung:**

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng căn bản trong việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu và áp dụng pháp luật, đặc biệt là các phương pháp phân tích luật. Bên cạnh đó, môn học còn tập trung đưa đến cho người học những cơ hội thực hành, đặc biệt là việc tập viết các bản nghiên cứu pháp lý.

## **NGHIÊN CỨU VÀ SOẠN THẢO PHÁP LÝ**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học môn Lý luận nhà nước và pháp luật Việt Nam

### **Nội dung:**

Môn học có hướng tiếp cận thực tế bằng cách đặt sinh viên vào tình huống của một luật sư phải giải quyết vấn đề pháp lý khách hàng đặt ra cho mình. Sinh viên sẽ phát triển các kỹ năng cần thiết để tìm hiểu và đánh giá vấn đề pháp lý, xác định, phân tích và đánh giá các quy phạm pháp luật có nguồn từ văn bản quy phạm pháp luật và án lệ, xây dựng quy tắc pháp lý từ các bản án. Sinh viên sẽ được học cách đưa các quy phạm pháp luật tìm được vào lập luận của mình và bố trí các phân tích pháp lý. Các kỹ năng soạn thảo sẽ được cung cấp trong môn học để chuyển tải hiệu quả các kết quả của nghiên cứu và phân tích pháp lý đến các đối tượng như luật sư đồng nghiệp, khách hàng và thẩm phán. Môn học cần thiết cho những sinh viên có dự định theo đuổi các nghề luật trong tương lai.

## **LUẬT DOANH NGHIỆP**

**Số TC :** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong các môn học như:

- Lý luận chung về nhà nước và pháp luật;
- Luật Hiến pháp;
- Luật Dân sự.

### **Nội dung:**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ thể kinh doanh, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp.

## **LUẬT CẠNH TRANH**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong các môn học như:

- Lý luận chung về nhà nước và pháp luật;
- Luật Hiến pháp;
- Luật Dân sự.
- Luật thương mại.
- Luật tố tụng dân sự.

**Nội dung:**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ thể kinh doanh, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp.

## **LUẬT THƯƠNG MẠI**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong các môn học như:

- Lý luận chung về nhà nước và pháp luật;
- Luật Hiến pháp;
- Luật Dân sự;
- Pháp luật về doanh nghiệp

**Nội dung:**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân.

## **LUẬT HỢP ĐỒNG – LÝ THUYẾT VỀ HỢP ĐỒNG**

**Số TC :** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Đã học học phần 1 của Luật dân sự

**Nội dung:**

Cung cấp cho người học các kiến thức cần thiết về pháp luật hợp đồng thông qua việc phân tích pháp luật của Việt Nam trong, so sánh với pháp luật của các nước và đối chiếu với thực tiễn. Trên cơ sở đó trang bị cho người học các kỹ năng pháp lý trong việc đàm phán, soạn thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng

## **CÁC HỢP ĐỒNG DÂN SỰ THÔNG DỤNG**

**Số TC :** 03 TC (Lý thuyết: 02 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, bao gồm:

- Lý luận nhà nước và Pháp luật;
- Những vấn đề chung về luật dân sự;
- Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế;
- Lý thuyết về hợp đồng;
- Pháp luật về chủ thể kinh doanh;
- Luật thương mại.

### **Nội dung:**

Môn học bao gồm 4 chương trình bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến các loại hợp đồng được sử dụng phổ biến trong đời sống dân sự cũng như trong hoạt động thương mại. Các hợp đồng này có thể được quy định trong các văn bản pháp luật khác nhau.

## **LUẬT QUỐC TẾ**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong các môn lý luận cơ bản như Triết học, lịch sử Nhà nước và pháp luật, lý luận chung về nhà nước và pháp luật và các môn luật nền tảng như luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân, luật hình sự, luật tố tụng hình sự...

### **Nội dung:**

- Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế;
- Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia;
- Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia;
- Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế;
- Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế
- Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia;
- Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao - lãnh sự



## LUẬT HÀNH CHÍNH

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Môn học này được thiết kế học sau các môn: Triết học Mác- Lê nin, môn Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam, Luật Hiến pháp Việt Nam.

### **Nội dung:**

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Luật Hành chính và Luật tổ tụng hành chính Việt Nam.

Các kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước như những khái niệm, nguyên tắc, hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước.

Những vấn đề về thủ tục và quyết định hành chính, vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính và những biện pháp cưỡng chế hành chính.

Những nguyên nhân đã dẫn đến sự hình thành, thay đổi của tài phán hành chính, luật tổ tụng hành chính. Thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân và toàn bộ trình tự, thủ tục để giải quyết một vụ án hành chính.

## LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM

**Số TC :** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong các môn học như:

- Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam

### **Nội dung:**

- Môn học trang bị cho người học kiến thức lý luận cơ bản về Hiến pháp Việt Nam - đạo luật cơ bản của mỗi nhà nước hiện đại.

- Những quan điểm, nhận thức về quyền con người, quyền công dân và tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong điều kiện xây dựng chế độ hiến pháp và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Các kiến thức cơ bản để có nhận thức đúng về thực hiện quyền lực nhà nước và cơ chế pháp lý kiểm soát thực hiện quyền lực nhà nước (*bản chất kiểm soát quyền lực nhà nước, thực tiễn thực hiện và hoàn thiện việc kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam*) để nâng cao chất lượng cuộc sống của các cá nhân và hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong xã hội.

## LUẬT ĐẤT ĐAI

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong giai đoạn đại cương chuyên ngành Luật

**Nội dung:**

Môn học nghiên cứu, phân tích, đánh giá về các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa con người với con người đối với việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đất đai sao cho đất được sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đồng thời bảo vệ đất, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa được lợi ích của người sử dụng đất và lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cộng đồng.

## LUẬT HÌNH SỰ

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học môn lý luận chung nhà nước và pháp luật

**Nội dung:**

- Trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận cơ bản về Luật hình sự, tội phạm, cấu thành tội phạm; trên cơ sở đó sinh viên có thể tự giải các bài tập với các yêu cầu cụ thể được đặt ra trong thực tiễn như: nhận diện tội phạm trong vụ việc cụ thể; xác định giai đoạn phạm tội, vai trò đồng phạm trong các vụ án, xác định rõ những trường hợp loại trừ TNHS; xác định khung hình phạt, tổng hợp hình phạt, xác định giới hạn hình phạt cho phép áp dụng trong các tình huống cụ thể, bình luận về phần hình phạt đối với các bản án hình sự đã tuyên.
- Trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp cận và làm chủ hệ thống kiến thức về các nhóm tội phạm để vận dụng một cách có hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp; bước đầu xây dựng cho sinh viên những kỹ năng định tội và quyết định hình phạt.

## NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

**Số TC :** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học môn lý luận chung nhà nước và pháp luật

**Nội dung:**

Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận của luật dân sự và các quy định của pháp luật về những vấn đề chung của Luật Dân sự Việt Nam.

## LUẬT TÀI SẢN

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học môn Dân sự học phần 1



**Nội dung:**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận và những quy định của pháp luật về các chế định sở hữu tài sản, quyền sở hữu trí tuệ và quyền thừa kế. Từ những kiến thức lý luận và quy định của pháp luật, sinh viên có thể giải quyết những tình huống, quan hệ dân sự trong thực tế.

**LUẬT LAO ĐỘNG**

**Số TC :** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong giai đoạn đại cương chuyên ngành Luật

**Nội dung:**

Môn học giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất về những vấn đề:

- Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động
- Nội dung của quan hệ lao động
- Một số các vấn đề về việc làm và học nghề
- Các quy định và yêu cầu liên quan đến vấn đề tuyển dụng lao động và giao kết hợp đồng
- Các quy định và nội dung về bảo hiểm xã hội
- Các vấn đề cơ bản về bồi thường thiệt hại vật chất trong quan hệ lao động, phân biệt giữa trách nhiệm bồi thường này và bồi thường thiệt hại trong dân sự.

**LUẬT MÔI TRƯỜNG**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong giai đoạn đại cương chuyên ngành Luật

**Nội dung:**

Nội dung của học phần được thể hiện và chuyển tải qua 3 chương:

- Chương 1 gồm những vấn đề mang tính tổng quan về luật môi trường;
- Chương 2 gồm những vấn đề liên quan đến pháp luật Việt nam về môi trường;
- Chương 3 gồm những vấn đề liên quan đến Luật quốc tế về môi trường

**NGHĨA VỤ NGOÀI HỢP ĐỒNG**

**Số TC :** 02 TC (Lý thuyết: 02 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học môn Dân sự học phần 1, 2

**Nội dung:**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận và những quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.





## THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên học song song môn Luật doanh nghiệp

**Nội dung:**

Thiết kế môn học bao gồm 2 phần chính:

- Lý thuyết: Quy định pháp luật về các vấn đề liên quan đến thủ tục đăng ký doanh nghiệp: Chủ thể có quyền thành lập quản lý, góp vốn vào doanh nghiệp; quy định về việc đăng ký doanh nghiệp đối với các loại hình doanh nghiệp; các loại hình nhà đầu tư; thủ tục pháp lý khi thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam theo các hình thức đầu tư khác nhau.
- Thực hành: + Hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đăng ký doanh nghiệp và đăng ký đầu tư  
+ Tư vấn các tình huống pháp lý về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư

## LUẬT THUẾ

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học môn Dân sự học phần 1, 2

**Nội dung:**

- Môn học trang bị kiến thức lý luận cơ bản về thuế, hiểu và nắm bắt đúng các khái niệm về người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, những trường hợp không chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn giảm... trong từng sắc thuế.
- Ngoài ra, môn học này giúp sinh viên nắm bắt những quy định của pháp luật về chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với tất cả các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế.
- Sau khi học xong môn luật thuế, sinh viên sẽ biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được trang bị để vận dụng vào việc đọc văn bản luật nhằm áp dụng các quy định của pháp luật thuế một cách đúng pháp luật.
- Mục đích của môn luật thuế giúp sinh viên có những kiến thức pháp luật trong lĩnh vực thuế để vận dụng vào các công việc thực tế như: Thanh tra thuế, thực hiện các công việc của cán bộ Hải quan, cán bộ thuế theo đúng pháp luật, tư vấn về kê khai, quản lý thuế, thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động đăng ký, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

## LUẬT NGÂN HÀNG

**Số TC:** 2 TC (Lý thuyết: 02 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong giai đoạn đại cương chuyên ngành Luật

### Nội dung:

Môn học bao gồm 7 chương trình bày các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán của các chủ thể có liên quan theo quy định của pháp luật, tập trung chủ yếu vào các nội dung sau:

- Những vấn đề lý luận chung về hoạt động ngân hàng và pháp luật ngân hàng;
- Địa vị pháp lý của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng;
- Pháp luật điều chỉnh hoạt động hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng;

## LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

**Số TC :** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong giai đoạn đại cương chuyên ngành Luật

### Nội dung:

Những cơ sở lý luận của pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; kiến thức pháp lý về quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền với giống cây trồng,... và các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; đồng thời nắm bắt được những yêu cầu khái quát về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

## KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN VÀ SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG

**Số TC:** 2 TC (Lý thuyết: 02 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong Luật hợp đồng và Các hợp đồng thông dụng

### Nội dung:

Môn học “Kỹ năng đàm phán soạn thảo hợp đồng” được thiết kế thành 2 phần. Phần 1 trang bị cho người học các kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng dưới góc độ lý thuyết. Phần 2 người học sẽ thực hành việc đàm phán, soạn thảo hợp đồng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

## LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong giai đoạn đại cương chuyên ngành Luật



**Nội dung:**

- Khái niệm, hoàn cảnh ra đời và lịch sử phát triển của kinh doanh quốc tế.
- Những yếu tố trong môi trường quốc tế có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp.
- Các chiến lược, chính sách và các mặt hoạt động kinh doanh quốc tế giúp cho doanh nghiệp có thể cạnh tranh hiệu quả hơn trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.
- Những vấn đề mà các nhà quản trị làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế phải đối mặt hàng ngày và một số kinh nghiệm giải quyết tình huống trong kinh doanh quốc tế của các công ty đa quốc gia.

**PHÁP LUẬT QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Luật doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật hợp đồng.

**Nội dung:**

Pháp luật quản trị công ty là môn học chuyên ngành sâu dành riêng cho chương trình cử nhân Luật Kinh doanh, đồng thời đây cũng là một trong những điểm nhấn khác biệt giữa ngành Luật kinh doanh với các ngành luật khác trong hệ thống đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm các lý thuyết về quản trị công ty, vị trí, vai trò của pháp luật quản trị công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần đại chúng. Nội dung trình bày của môn học bao gồm các quy định của pháp luật liên quan đến các chủ thể quản trị trong công ty cổ phần đại chúng như: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Bộ máy điều hành, Ban kiểm soát cũng như nghĩa vụ minh bạch và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Các nội dung này được trình bày trong mối tương quan giữa quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành với các nguyên tắc, kỹ năng quản trị công ty mang tính hiện đại theo tiêu chuẩn OECD.

**PHÁP LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 02 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Học viên có kiến thức môn Luật đất đai

**Nội dung:**

Môn học có đối tượng, phạm vi nghiên cứu là pháp luật về kinh doanh bất động sản, thực tiễn áp dụng pháp luật về kinh doanh bất động sản; các luận điểm và các mối quan hệ xã hội về kinh doanh bất động sản.





## **TỔ TỤNG DÂN SỰ**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong Luật dân sự

**Nội dung :**

- Phần một của môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tố tụng dân sự cho sinh viên như khái niệm tố tụng dân sự, các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự, vấn đề thẩm quyền xét xử của Tòa án, vấn đề về chứng cứ và chứng minh, các biện pháp khẩn cấp tạm thời, thời hạn, thời hiệu trong tố tụng, án phí và các chi phí tố tụng.
- Phần hai của môn học cung cấp kiến thức cho sinh viên về trình tự, thủ tục tố tụng theo từng giai đoạn tố tụng từ lúc khởi kiện cho đến lúc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Trong phần học này cũng bao gồm cả sự phân biệt giữa thủ tục giải quyết vụ án dân sự và thủ tục giải quyết việc dân sự trong tố tụng dân sự.

## **TƯ PHÁP QUỐC TẾ**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong các môn học như:

- Lý luận chung về nhà nước và pháp luật;
- Luật Dân sự;
- Luật Lao động;
- Luật Tố tụng dân sự;
- Luật Thương mại;

**Nội dung:**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tư pháp quốc tế, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, sinh viên cũng hiểu rõ về địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

## **PHÁP LUẬT VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Muốn học được môn học này thì sinh viên phải tích lũy được kiến thức các môn học Luật doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật cạnh tranh,...

**Nội dung:**

Môn học được chia làm 3 chương: Chương 1 sinh viên sẽ được giới thiệu tổng quan về hoạt động xúc tiến thương mại (dưới góc độ kinh tế, quản lý Nhà nước, pháp lý); Chương 2: sinh viên sẽ nghiên cứu về hành lang pháp lý Việt Nam đối với hoạt động xúc tiến thương mại (có

những hình thức xúc tiến thương mại nào, những lưu ý trong từng hình thức và những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xúc tiến thương mại); Chương 3: sinh viên sẽ được tìm hiểu về trình tự, thủ tục đăng ký xúc tiến thương mại và có thể tiếp cận những bài tập tình huống về đăng ký xúc tiến thương mại.

### **TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong Luật hình sự

**Nội dung:**

- Hiểu và giải thích được những vấn đề lý luận thuộc về bản chất của tố tụng hình sự như: *Kiểu tố tụng, mô hình tố tụng và hình thức tố tụng; giai đoạn và các nguyên tắc của tố tụng hình sự.*
- Hiểu và giải thích được các vấn đề lý luận của tố tụng hình sự chi phối các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành.
- Hiểu và vận dụng được các quy định của Bộ luật tố tụng khi tham gia giải quyết vụ án hình sự cũng như đánh giá đúng việc áp dụng Bộ luật tố tụng của cơ quan có thẩm quyền nhằm tham gia làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- Tham gia tích cực và có hiệu quả vào đấu tranh phòng chống tội phạm

### **HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, bao gồm:

- Lý luận nhà nước và Pháp luật;
- Luật Hiến pháp Việt Nam;
- Những vấn đề chung về luật dân sự;
- Luật hợp đồng;
- Luật thương mại;
- Luật lao động.



**Nội dung:**

Nội dung môn học tập chung phân tích các quy định của pháp luật liên quan đến giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng lao động, và các quy định pháp luật liên quan đến giải quyết tranh chấp lao động và đình công. Nội dung môn học được chia thành 2 phần, bao gồm:

- Phần 1: Hợp đồng lao động
- Phần 2: Tranh chấp lao động và Đình công

**LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 03 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Muốn học được môn học này thì sinh viên phải tích lũy được những kiến thức cơ bản về pháp luật dân sự, hình sự, hành chính, tổ tụng dân sự, tổ tụng hình sự, tổ tụng hành chính.

**Nội dung:**

Nội dung môn học trả lời những câu hỏi cho những vấn đề liên quan đến giao thương buôn bán trên thế giới giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trong quá khứ cũng như hiện tại; quá trình hình thành, tổ chức, nguyên tắc và hoạt động của tổ chức thương mại thế giới (World Trade Organization – WTO); cơ chế giải quyết tranh chấp, bồi thường đối với các tranh chấp trong lĩnh vực thương mại thế giới; và mở rộng kiến thức về các hiệp định hỗ trợ thuộc WTO cũng như các Hiệp định khu vực mới ký kết của Việt Nam với thế giới.

**PHÁP SẢN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

**Số TC :** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC, Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:**

Sinh viên đã học xong các môn học như:

- Lý luận chung về nhà nước và pháp luật;
- Luật Hiến pháp;
- Luật Dân sự;
- Pháp luật về doanh nghiệp
- Luật thương mại
- Luật tổ tụng dân sự.



**Nội dung:**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân.

**LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**Số TC:** 03 TC (Lý thuyết: 3 TC, Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Môn học này được thiết kế học sau các môn: Triết học Mác - Lê nin, môn Lý luận về Nhà nước và Pháp luật.

**Nội dung:**

- Các kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam từ nguồn gốc cho đến các giai đoạn phát triển của lịch sử.
- Những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước cũng như của pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của lịch sử.
- Những nguyên nhân đã dẫn đến sự hình thành, thay đổi của những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước cũng như pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.

**PHÁP LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM**

**Số TC:** 02 TC (Lý thuyết: 2 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết :** Học viên có kiến thức môn học Luật dân sự, luật thương mại.

**Nội dung:**

Cơ sở lý luận và hệ thống quy phạm pháp luật thực định về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể tiếp cận và làm chủ các tình huống trong thực tiễn hoạt động bảo hiểm.

**PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

**Số TC:** 2 TC (Lý thuyết: 02 TC/ Thực hành: 0 TC)

**Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong giai đoạn đại cương chuyên ngành Luật

**Nội dung:**

Nội dung môn học bao gồm những vấn đề chung về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng; chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh.

**10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:**

| Số TT | Họ và tên            | Chức danh khoa học | Học vị | Ngành, chuyên ngành | Học phần dự kiến đảm nhiệm                 |
|-------|----------------------|--------------------|--------|---------------------|--------------------------------------------|
| 1     | Nguyễn Tiến Dũng     | PGS                | TS     | Kinh tế công        | Kinh tế vĩ mô                              |
| 2     | Nguyễn Chí Hải       | PGS                | TS     | Kinh tế học         | Kinh tế vi mô                              |
| 3     | Trần Thị Lệ Thu      |                    | ThS    | Luật                | Lý luận nhà nước và pháp luật ...          |
|       |                      |                    |        |                     | Luật Hành chính                            |
|       |                      |                    |        |                     | Kỹ thuật soạn thảo văn bản                 |
| 4     | Phạm Đức Chính       | PGS                | TSKH   | Quản trị kinh doanh | Quản trị học căn bản                       |
| 5     | Dương Anh Sơn        | PGS                | TS     | Luật                | Lý thuyết về hợp đồng                      |
|       |                      |                    |        |                     | Các hợp đồng thông dụng                    |
|       |                      |                    |        |                     | Luật kinh doanh quốc tế                    |
| 6     | Đoàn Thị Phương Diệp |                    | TS     | Luật                | Luật lao động                              |
|       |                      |                    |        |                     | Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp |
|       |                      |                    |        |                     | Luật thuế                                  |



|    |                      |  |     |                   |                                                  |
|----|----------------------|--|-----|-------------------|--------------------------------------------------|
| 7  | Đào Thị Thu Hằng     |  | TS  | Luật              | Luật doanh nghiệp                                |
|    |                      |  |     |                   | Luật thương mại                                  |
| 8  | Bùi Thị Hằng Nga     |  | TS  | Luật              | Luật thương mại                                  |
|    |                      |  |     |                   | Luật doanh nghiệp                                |
|    |                      |  |     |                   | Pháp luật về quản trị công ty                    |
|    |                      |  |     |                   | Luật kinh doanh bảo hiểm                         |
| 9  | Nguyễn Đình Huy      |  | TS  | Luật              | Luật tài sản                                     |
|    |                      |  |     |                   | Những vấn đề chung về luật dân sự                |
| 10 | Châu Quốc An         |  | ThS | Luật              | Nghĩa vụ ngoài hợp đồng                          |
|    |                      |  |     |                   | Những vấn đề chung về luật dân sự                |
| 11 | Nguyễn Thị Thu Trang |  | TS  | Luật Kinh tế      | Luật quốc tế                                     |
|    |                      |  |     |                   | Lý luận nhà nước và pháp luật Việt Nam           |
| 12 | Trần Thanh Long      |  | TS  | Kinh tế đối ngoại | Logistics                                        |
| 13 | Giản Thị Lê Na       |  | ThS | Luật              | Thủ tục thành lập doanh nghiệp và thủ tục đầu tư |



|    |                        |     |     |                     |                                               |
|----|------------------------|-----|-----|---------------------|-----------------------------------------------|
| 14 | Nguyễn Thị Hồng Nhung  | PGS | TS  | Luật                | Luật tổ tụng dân sự                           |
| 15 | Trương Trọng Hiếu      |     | ThS | Luật                | Luật cạnh tranh                               |
| 16 | Trịnh Thực Hiền        |     | TS  | Luật                | Luật kinh doanh quốc tế                       |
|    |                        |     |     |                     | Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý               |
| 17 | Hoàng Công Gia Khánh   | PGS | TS  | Tài chính ngân hàng | Tài chính doanh nghiệp                        |
| 18 | Phan Thị Hương Giang   |     | ThS | Luật                | Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng |
| 19 | Nguyễn Ngọc Thứ        |     | ThS | Luật                | Phá sản và giải quyết tranh chấp              |
| 20 | Đào Gia Phúc           |     | TS  | Luật                | Luật thương mại quốc tế                       |
| 21 | Nguyễn Phan Phương Tàn |     | ThS | Luật                | Pháp luật mua bán và sáp nhập công ty         |
|    |                        |     |     |                     | Luật hợp đồng                                 |
|    |                        |     |     |                     | Các hợp đồng thông dụng                       |
|    |                        |     |     |                     | Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng        |
| 22 | Nguyễn Thị Phương Thảo |     | ThS | Luật                | Pháp luật xúc tiến thương mại                 |

|    |                     |  |     |      |                                                   |
|----|---------------------|--|-----|------|---------------------------------------------------|
| 23 | Nguyễn Thị Lâm Nghi |  | ThS | Luật | Luật sở hữu trí tuệ                               |
| 24 | Lưu Đức Quang       |  | ThS | Luật | Luật Hiến pháp                                    |
| 25 | Vũ Kim Hạnh Dung    |  | TS  | Luật | Luật kinh doanh quốc tế                           |
| 26 | Châu Thị Khánh Vân  |  | TS  | Luật | Luật đất đai<br>Pháp luật kinh doanh bất động sản |

### 11. Danh sách Cố vấn học tập

- GV. TS Đào Thị Thu Hằng
- GV. TS Nguyễn Thị Thu Trang
- GV. TS Bùi Thị Hằng Nga
- GV. ThS Giản Thị Lê Na
- GV. ThS Nguyễn Thị Phương Thảo
- GV. ThS Nguyễn Trường Ngọc
- GV. ThS Nguyễn Ngọc Thứ
- GV. ThS Nguyễn Thị Lâm Nghi
- GV. ThS Phan Thị Hương Giang
- GV. ThS Nguyễn Phan Phương Tàn

### 12. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

#### 12.1 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính:

| TT | TÊN PTN     | ĐỊA ĐIỂM             | ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN   | GHI CHÚ |
|----|-------------|----------------------|-------------------|---------|
| 1  | Phòng máy 1 | KP3, P.Linh Xuân, TĐ | Trường ĐHK-T-Luật |         |
| 2  | Phòng máy 2 | KP3, P.Linh Xuân, TĐ | Trường ĐHK-T-Luật |         |
| 3  | Phòng máy 3 | KP3, P.Linh Xuân, TĐ | Trường ĐHK-T-Luật |         |

|   |                                                    |                      |                  |  |
|---|----------------------------------------------------|----------------------|------------------|--|
| 4 | Phòng máy 4                                        | KP3, P.Linh Xuân, TĐ | Trường ĐHKT-Luật |  |
| 5 | Phòng thực hành luật<br>(Clinical legal education) | KP3, P.Linh Xuân, TĐ | Trường ĐHKT-Luật |  |

### 12.2 Thư viện

- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế - Luật
- Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

### 12.3 Giáo trình, tập bài giảng

| STT | Tên môn học             | Tên giáo trình, tập bài giảng                                                | Tên tác giả         | Nhà xuất bản                         | Năm xuất bản | Địa chỉ Website (nếu có) | Hiện trạng (*) |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------|--------------|--------------------------|----------------|
| 1   | Luật thương mại quốc tế | Giáo trình Luật TMQT – phần 1                                                | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2018         |                          |                |
| 2   | Luật cạnh tranh         | Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong thương mại | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2015         |                          |                |
| 3   | Luật dân sự             | Giáo trình Luật dân sự tập 1                                                 | Nguyễn Ngọc Điện    | NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM          | 2018         |                          |                |
| 4   | Luật đất                | Giáo trình                                                                   | Đại học             | NXB Hồng                             | 2018         |                          |                |



|    |                                   |                                                     |                     |                                      |      |  |  |
|----|-----------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------|------|--|--|
|    | đại                               | Luật đất đai                                        | Luật Tp.HCM         | Đức – Hội Luật gia Việt Nam          |      |  |  |
| 5  | Luật quốc tế                      | Giáo trình Luật quốc tế                             | Đại học Luật Hà Nội | NXB.CAND                             | 2018 |  |  |
| 6  | Tư pháp quốc tế                   | Giáo trình Tư pháp quốc tế                          | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2019 |  |  |
| 7  | Luật thương mại                   | Giáo trình Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2018 |  |  |
| 8  | Những vấn đề chung về luật dân sự | Giáo trình Luật dân sự tập 2                        | Nguyễn Ngọc Điện    | NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM          | 2018 |  |  |
| 9  | Luật sở hữu trí tuệ               | Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ                      | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2018 |  |  |
| 10 | Luật hành chính                   | Giáo trình Luật hành chính                          | Đại học Luật Hà Nội | NXB.CTQG                             | 2018 |  |  |
| 11 | Luật Hiến pháp                    | Giáo trình Luật Hiến pháp                           | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2018 |  |  |
| 12 | Luật                              | Giáo trình                                          | Đại học             | NXB.CAND                             | 2015 |  |  |

IANA  
 UỶ BAN  
 A/H  
 H TẾ-  
 9 ★

|    |                         |                                             |                     |                                      |      |  |  |
|----|-------------------------|---------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------|------|--|--|
|    | môi trường              | Luật môi trường                             | Luật Hà Nội         |                                      |      |  |  |
| 13 | Luật hình sự            | Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2019 |  |  |
| 14 | Luật ngân hàng          | Giáo trình Luật ngân hàng                   | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2018 |  |  |
| 15 | Luật tố tụng hình sự    | Giáo trình Luật tố tụng hình sự             | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2015 |  |  |
| 16 | Luật tố tụng dân sự     | Giáo trình Luật tố tụng dân sự              | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2018 |  |  |
| 17 | Luật kinh doanh quốc tế | Giáo trình Luật hợp đồng thương mại quốc tế | Dương Anh Sơn       | NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM          | 2018 |  |  |
| 18 | Luật doanh nghiệp       | Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh  | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2019 |  |  |
| 19 | Luật tài sản            | Giáo trình Pháp luật về tài sản,            | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2019 |  |  |

|    |                         |                                                                         |                     |                                      |      |  |  |
|----|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------|------|--|--|
|    |                         | quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế                                   |                     | Nam                                  |      |  |  |
| 20 | Luật hợp đồng           | Giáo trình Luật dân sự tập 2                                            | Đại học Luật Hà Nội | NXB.CAND                             | 2018 |  |  |
| 21 | Luật thuế               | Giáo trình Luật thuế Việt Nam                                           | Đại học Luật Hà Nội | NXB.CAND                             | 2018 |  |  |
| 22 | Nghĩa vụ ngoài hợp đồng | Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2017 |  |  |
| 23 | Các hợp đồng thông dụng | Giáo trình Luật dân sự tập 2                                            | Đại học Luật Hà Nội | NXB.CAND                             | 2018 |  |  |
| 24 | Luật lao động           | Giáo trình Luật lao động                                                | Đại học Luật Tp.HCM | NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam | 2013 |  |  |

### 13. Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ, chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ đào tạo TC của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, bao gồm các học phần thuộc khối



kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).

- Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.
- Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.
- Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế TC của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng TC và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.
- Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

#### 14. Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình

- Chương trình đào tạo được định kỳ điều chỉnh rà soát mỗi 02 năm một lần theo kế hoạch chung của toàn trường.
- Tiến hành đánh giá ngoài cấp AUN hoặc kiểm định theo kế hoạch đảm bảo chất lượng của toàn trường.

**TRƯỞNG KHOA**



**Dương Anh Sơn**



**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Tiến Dũng**